

Bản án số: 37 /2017/HSST

Ngày 13 / 7 /2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Kiều Văn Thành.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đức.
2. Ông Nguyễn Hữu Tuấn.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Minh Sơn - Cán bộ
Toà án nhân dân huyện Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai tham gia phiên toà: Bà
Trần Thị Tuyết, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, Thành
phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 37/2017/HSST
ngày 24 tháng 05 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn N, sinh năm 1992; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và trú
tại: Cụm , xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do;
trình độ văn hoá: 6/12; bố đẻ Trần Văn V , sinh năm 1961; mẹ đẻ Lê Thị Đ ,
sinh năm 1964; vợ, con chưa có; tiền sự: Không; danh chỉ bản số: 82 do Công
an huyện Quốc Oai lập ngày 04/01/2017; tiền sự: Không; tiền án: Tại bản án số
213/2012/HSST ngày 20/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, Thành
phố Hà Nội xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội: Cướp giật tài sản; Chấp hành
xong hình phạt tù ngày 16/7/2016; tạm giam từ ngày 30/12/2016 đến nay tại trại
tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội - Có mặt.

2. Lê Văn L, sinh năm 1991; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và trú
tại: Cụm , xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do;
trình độ văn hoá: 12/12; bố đẻ Lê Văn L, sinh năm 1972; mẹ đẻ Lê Thị L, sinh
năm 1973; vợ là Thế Thị Thu H, sinh năm 1992; có 01 con sinh năm 2014;
Danh chỉ bản số 094 do Công an huyện Quốc Oai lập ngày 20/4/2014; tiền án,
tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 45/2011/HSST ngày 25/02/2011 bị
Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội xử phạt 21 tháng tù về tội:

Cướp giật tài sản; chấp hành xong hình phạt ngày ngày 13/9/2012; phần án phí và dân sự ngày 11/7/2011; tạm giam từ ngày 25/4/2017 tại nhà tạm giữ Công an huyện Quốc Oai đến nay - Có mặt.

Người bị hại: Chị Đỗ Thị Hồng N, sinh năm 1993;

ĐKHKTT: xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; chỗ ở: Phường K, quận BTL, Thành phố Hà Nội. Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 21/ 12 / 2016, Trần Văn N rủ Lê Văn L đi cướp giật tài sản, L đồng ý. L điều khiển xe máy của N, BKS 33L6- 3378 đi từ xã Đ, huyện Đ theo các trục đường qua các huyện xem có ai sơ hở để cướp giật tài sản; đến khoảng 20 giờ 30 phút, L điều khiển xe chở N theo đường gom Đại lộ Thăng Long đến cầu vượt Hoàng Xá, thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội thì phát hiện thấy chị Đỗ Thị Hồng N điều khiển xe máy trên người có đeo một túi xách màu xanh đang rẽ vào thị trấn Quốc Oai thấy vậy L điều khiển xe ám sát bên trái xe chị N, N ngồi sau dùng tay phải giật chiếc túi xách của chị N, sau khi giật được tài sản L tăng ga bỏ chạy, trên đường bỏ chạy N lục túi xách bên trong có 12.300.000 đồng; 01 điện thoại SAMSUNG màu đen; 01 chứng minh thư nhân dân; 01 bằng lái xe máy và 01 bảo hiểm y tế đều mang tên chị N. Nam lấy toàn bộ tiền và điện thoại còn lại giấy tờ và túi N vứt trên đường bỏ chạy. Số tiền cướp được N và L ăn tiêu hết, chiếc điện thoại N sử dụng.

Vật chứng thu giữ: 01 túi xách màu xanh; 01 điện thoại SAMSUNG; 01 điện thoại NOKIA 1280 cũ màu xanh; 01 xe máy BKS 33L6-3378.

Tại kết luận định giá tài sản số: 01/ KL-ĐGTS ngày 12/01/2017 của Hội đồng định giá kết luận: 01 túi xách màu xanh; 01 điện thoại SAMSUNG có tổng trị giá 720.000 đồng.

Tại kết luận giám định số: 1996/ KL-PC 54- Đ3 ngày 04/4/2017 của Phòng kỹ thuật Công an thành phố Hà Nội kết luận: Xe nhãn hiệu WAVE, đeo biển kiểm soát: 33L6-3378 có số khung: VHTPCH032HT*00386* và số máy: VTT1P52FMH*031687* là số nguyên thủy.

Quá trình điều tra ngày 22/3/2017, Công an huyện Q đã trả lại tài sản cho chị N và bà Lê Thị Đ và ông Lê Văn L đại diện cho hai gia đình bị cáo đã bồi thường trả chị N 12.300.000 đồng. Chị N đã nhận lại tài sản, đối với các giấy tờ bị mất chị N không có yêu cầu bồi thường.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo N và L khai nhận như nội dung vụ án đã nêu.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 23/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai truy tố các bị cáo như sau: Truy tố bị cáo Trần Văn N và

Lê Văn L về tội Cướp giật tài sản, theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn N và Lê Văn L phạm tội Cướp giật tài sản;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; Điểm b,p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt N từ 48 đến 54 tháng tù;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; Điểm b,p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt L từ 36 đến 42 tháng tù;

Về dân sự: Gia đình bị cáo N và L đã bồi thường trả cho chị N, chị N không có yêu cầu bồi thường nên không đề nghị giải quyết.

Về vật chứng đề nghị HĐXX tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 xe máy và 01 điện thoại thu của bị cáo N.

Các bị cáo nhất trí với bản luận tội và không có tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo N và bị cáo L: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng: Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quốc Oai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện về Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

Về hành vi của các bị cáo thì thấy: Bị cáo Trần Văn N và Lê Văn L: Tại phiên toà hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi nh- nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, ng- ời làm chứng, vật chứng thu giữ. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 21/12/2016, N rủ L đi cướp giật tài sản, L đồng ý. L điều khiển xe máy BKS: 33L6-3378 của N, chở N đi trên đường gom Đại lộ Thăng Long, khi đến cầu Vượt Hoàng Xá, thị trấn Q, huyện Q thì phát hiện thấy chị Đỗ Thị Hồng N điều khiển xe máy có đeo 01 túi xách, L ám sát xe vào bên trái xe chị N, N ngồi sau dùng tay phải giật chiếc túi xách của chị N rồi bỏ chạy. Tổng giá trị tài sản N và L chiếm đoạt là 13.020.000 đồng (trong đó có 12.300.000 đồng; 01 túi xách và 01 điện thoại di động SAM SUNg cũ trị giá 720.000 đồng). Do đó, bị cáo Trần Văn N và Lê Văn L đã phạm tội: “ *Cướp giật tài sản*” với

tình tiết tăng nặng định khung “ *Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự nh- Cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 23/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố đối với bị cáo là đứng ng- ời, đứng tội.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của ng- ời khác nên phải có hình phạt nghiêm đối với bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo N và bị cáo L;

- Về tình tiết tăng nặng:

+ Bị cáo N có 1 tình tiết tăng nặng: Tại bản án số 213/2012/HSST ngày 20/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội: Cướp giật tài sản mới chấp hành hình phạt xong ngày 16/7/2016 chưa được xóa án tích lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

+ Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

-Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo N và L đều thành khẩn khai báo; đã tác động để gia đình bồi thường trả người bị hại để giảm nhẹ cho các bị cáo theo điểm b,p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Vụ án có đồng phạm; Bị cáo N là ng- ời rủ rê, lôi kéo và trực tiếp chiếm đoạt tài sản; nhân thân bị cáo N có 1 tiền án chưa được xóa án tích; bị cáo L là ng- ời giúp sức, nhân thân năm 2011 bị xét xử 21 tháng tù về tội C- ớp giật tài sản tuy đã được xóa án nhưng không lấy đó làm bài học mà lại phạm tội nên Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để có một hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Cơ qua điều tra người bị hại là chị Đỗ Thị Hồng N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự để xác định và xử lý cụ thể như sau:

Quá trình điều tra cơ quan điều tra thu giữ của N 01 điện thoại di động NOKIA 1280 màu xanh cũ; 01 xe máy BKS 33L6-3378 của bị cáo Nam. Hội đồng xét xử xét thấy xe máy và điện thoại N dùng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Từ những căn cứ nhận định trên Hội đồng xét xử

QUYẾT ĐỊNH:

1-Tuyên bố bị cáo Trần Văn N và Lê Văn L tội: “ Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm b, p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn N 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2016.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; các điểm b, p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn L 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/4/2017.

2- Về vật chứng: Áp dụng điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 màu xanh cũ, đã qua sử dụng. Số IMEI: 355904058005525, bên trong có 1 sim điện thoại.

+ 01 xe máy màu xanh cũ, biển kiểm soát 33L6-3378; có số khung 00386 và số máy 031687, xe không có gương chiếu hậu, yếm xe phía trước bị vỡ, xe trong tình trạng không sử dụng được.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 29/2017/THA ngày 26/ 5/2017, giữa Công an huyện và Chi cục thi hành án Dân sự huyện Quốc Oai).

3- Về án phí: Các bị cáo N, L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm;

4- Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- Công an; VKSND huyện Quốc Oai;
- Chi cục THADS huyện Quốc Oai;
- Sở tư pháp TP.Hà Nội
- Bị cáo; Người bị hại; Lưu: Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Kiều Văn Thành

